

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Trần Thị Ngoan¹, Lê Văn Cường¹, Nguyễn Minh Thanh²,
Nguyễn Thị Hà¹, Khương Hữu Thắng³, Huỳnh Phúc Đa³

¹*Trường Đại học Lâm nghiệp - Phân hiệu Đồng Nai*

²*Trường Đại học Lâm nghiệp*

³*Vườn Quốc gia Bù Gia Mập*

TÓM TẮT

Du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia có vai trò quan trọng trong quản lý tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Dữ liệu được thu thập từ 100 khách du lịch nội địa thông qua bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ. Độ tin cậy thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's alpha và chỉ số KMO. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái được xác định bằng phân tích nhân tố khám phá (EFA) và mô hình hồi quy Binary Logistic. Kết quả cho thấy: (1) Hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập đã có những chuyển biến tích cực với 26.912 lượt khách và doanh thu đạt 3 tỷ đồng ở giai đoạn 2018 - 2024. Du khách đánh giá hài lòng với 4,09 điểm khi đến du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập. (2) Phân tích EFA và mô hình hồi quy Binary Logistic đã xác định được 5 nhân tố chính ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, bao gồm: (i) Quảng bá - phối hợp; (ii) Nguồn nhân lực; (iii) Cơ sở vật chất; (iv) Dịch vụ; (v) Tài nguyên tự nhiên. (3) Đề xuất được 5 nhóm giải pháp phát triển du lịch sinh thái dựa trên cơ sở các nhân tố ảnh hưởng. Kết quả của nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn góp phần đề xuất định hướng các giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập và những khu vực có điều kiện tương đồng.

Từ khóa: Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, du lịch sinh thái, phát triển bền vững, hồi quy Binary Logistic, Bình Phước.

CURRENT STATUS OF ECOTOURISM DEVELOPMENT IN BU GIA MAP NATIONAL PARK, BINH PHUOC PROVINCE

Tran Thi Ngoan¹, Le Van Cuong¹, Nguyen Minh Thanh¹,
Nguyen Thi Ha¹, Khuong Huu Thang², Huynh Phuc Da²

¹*Vietnam National University of Forestry - Dongnai Campus*

²*Vietnam National University of Forestry*

³*Bu Gia Map National Park*

ABSTRACT

Ecotourism in national parks plays an important role in forest resource management and biodiversity conservation. The study was carried out to evaluate the current status of ecotourism development in Bu Gia Map National Park, Binh Phuoc province. Data were collected from 100 domestic tourists through a questionnaire using a 5-point Likert scale. The reliability of the scale was assessed using Cronbach's Alpha coefficient and the KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) measure. Factors influencing ecotourism development were identified through Exploratory Factor Analysis (EFA) and examined using a Binary Logistic Regression model. The results revealed that: (1) Ecotourism activities in Bu Gia Map National Park have had positive changes with 26,912 visitors and revenue reaching 3 billion VND between 2018 and 2024. Tourists rated their satisfaction with 4.09 points regarding ecotourism in Bu Gia Map National Park. (2) EFA analysis and Binary Logistic regression model identified identified five major groups of factors influencing ecotourism development in Bu Gia Map National Park, including (i) Promotion - coordination; (ii) Human resources; (iii) Facilities; (iv) Services; (v) Natural resources. (3) Proposed 5 groups of solutions for ecotourism development based on the influencing factors. The study results provided a scientific and practical basis for proposing orientations for solutions to promote sustainable development of ecotourism in Bu Gia Map National Park and areas with similar conditions.

Keywords: Bu Gia Map National Park, ecotourism, sustainable development, Binary Logistic Regression, Binh Phuoc.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch (DL) là một trong những ngành công nghiệp phát triển nhanh nhất, đóng góp hơn 10% vào GDP toàn cầu (Baloch *et al.*, 2023). DL đã và đang trở thành nhu cầu không thể thiếu của con người (Hien *et al.*, 2020). Bên cạnh những tác động tích cực, sự phát triển nhanh chóng của DL trên phạm vi toàn cầu đã tác động tiêu cực đối với môi trường và văn hóa - xã hội (Nguyễn Ngọc Hòa *et al.*, 2022; Riengchantr, 2018). DL sinh thái (ST) là loại hình DL dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường (Quốc Hội, 2017). Hiệp hội DLST thế giới - TIES đã định nghĩa “DLST là DL có trách nhiệm với các khu thiên nhiên, là nơi bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương (The International Ecotourism Society (TIES), 2006). DLST được cộng đồng địa phương và bản địa coi là một công cụ quan trọng để thúc đẩy sinh kế bền vững, giữ gìn văn hóa và bảo tồn đa dạng sinh học (Blangy và Mehta, 2006). Vì vậy, DLST cần được coi không chỉ là một chương trình mà là một chiến lược ở cấp độ vĩ mô. Nhiều quốc gia có tiềm năng phát triển DLST đã xây dựng và triển khai các kế hoạch đầu tư, phát triển DLST nhằm tạo dựng cơ sở hạ tầng để thu hút du khách DL. Trên thực tế, DLST là một chiến lược phát triển thu lại nhiều lợi nhuận về kinh tế trong khi vẫn duy trì được tài nguyên thiên nhiên (Poursaeed, 2022). Phát triển bền vững DLST phụ thuộc vào nhiều yếu tố như xã hội, sự tham gia của chính quyền địa phương và cơ sở hạ tầng (Yee *et al.*, 2021). Những yếu tố này bao gồm cơ sở vật chất (khách sạn, căng tin, đường, nước), văn hóa địa phương (cộng đồng, lễ hội, nghệ thuật truyền thống và thực phẩm), dịch vụ (ngân hàng, đại lý DL, hướng dẫn viên

DL) và chính quyền địa phương (cơ sở an ninh, luật pháp, chính sách,...) (Heshmati *et al.*, 2022). Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững DL dựa trên các giả định khác nhau và các địa điểm nghiên cứu khác nhau (Nguyễn Ngọc Hòa *et al.*, 2022; Nguyễn Phước Hoàng, 2020; Nguyễn Thị Huỳnh Phương *et al.*, 2022; Poursaeed, 2022; Rahman và Jahan, 2016). Nhìn chung, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DL bền vững thuộc phạm trù vi mô và vĩ mô (Lê Xuân Nam, 2023; Marulam *et al.*, 2020), tuy nhiên, tựu chung lại, các nghiên cứu đều chỉ ra những nhân tố chính tác động phát triển DL bao gồm: tài nguyên DL (Nguyễn Ngọc Hòa *et al.*, 2022; Nguyễn Phước Hoàng, 2020; Nguyễn Thị Huỳnh Phương *et al.*, 2022); Thể chế, chính quyền, quảng bá, cơ sở hạ tầng, an ninh trật tự (Lê Xuân Nam, 2023; Nguyễn Thị Huỳnh Phương *et al.*, 2022), nguồn nhân lực, tài nguyên DL (Lê Xuân Nam, 2023; Marulam *et al.*, 2020; Nguyễn Phước Hoàng, 2020); sự đa dạng sản phẩm DL, giá cả dịch vụ (Nguyễn Phước Hoàng, 2020; Nguyễn Thị Huỳnh Phương *et al.*, 2022; Phan Thị Dang, 2015), trong đó yếu tố tài nguyên bao gồm rừng, thác nước, núi, hang động, di tích lịch sử là những dịch vụ tiềm năng. Việc bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên có giá trị này sẽ là dịch vụ mang tính bền vững môi trường và kinh tế của quốc gia (FAO, 2014) và chống lại tác động của biến đổi khí hậu (Costanza *et al.*, 2017).

Theo chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển DL Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045, DL là ngành kinh tế mũi nhọn trong đó xác định Đông Nam Bộ có thể mạnh phát triển dịch vụ DL tổng hợp, trong đó nổi bật là DLST gắn liền giá trị văn hóa - lịch sử (Thủ tướng chính phủ, 2021). Vườn Quốc gia (VQG) Bù

Gia Mập ghi nhận có tài nguyên đa dạng sinh học, cảnh quan tự nhiên và tài nguyên nhân văn phong phú, có tiềm năng lớn phát triển DLST (Đình Thanh Sang, 2019). Tuy nhiên, hoạt động DL tại VQG còn đơn giản, nhỏ lẻ chưa mang tính hệ thống, chưa phát huy hết tiềm năng sẵn có của địa phương. Vì vậy, việc nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát triển DLST sẽ góp phần giúp các nhà quản lý và chủ rừng kinh doanh DL định hướng giải pháp phát triển bền vững DLST tại VQG.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện tại VQG Bù Gia Mập nằm trên địa bàn huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (toạ độ địa lý từ 12°8'30" - 12°7'30" vĩ độ Bắc và 107°3'30" - 107°4'30" kinh độ Đông). Độ cao tối thiểu và tối đa so với mực nước biển là 150 và 738 m. Diện tích VQG Bù Gia Mập là 25.598,24 ha chiếm gần 15% diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Bình Phước, trong đó chia thành 03 phân khu chức năng gồm: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 15.030,52 ha; Phân khu phục hồi sinh thái 8.271,81 ha; Phân khu Dịch vụ hành chính 2.295,91 ha và diện tích vùng đệm 18.036 ha (bao gồm cả tỉnh Bình Phước và Đắk Nông) (UBND tỉnh Bình Phước, 2021). Lượng mưa và nhiệt độ trung bình năm tương ứng với 2.793 mm và 25,7°C. Sự đa dạng về địa hình và hệ thống sông suối tạo nên sự đa dạng về cảnh quan thiên nhiên, là tiềm năng lớn cho DLST của VQG. VQG Bù Gia Mập thuộc vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên và đồng bằng, đồng thời là nơi hội tụ của các luồng di cư thực vật từ phía Tây Bắc xuống và từ phía Đông Nam lên. Thảm thực vật có 4 kiểu rừng gồm rừng kín thường xanh mưa nhiệt

đới, rừng kín nửa thường xanh ẩm nhiệt đới, rừng hỗn giao gỗ tre nứa, rừng tre nứa (Đình Thanh Sang, 2019).

2.2. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

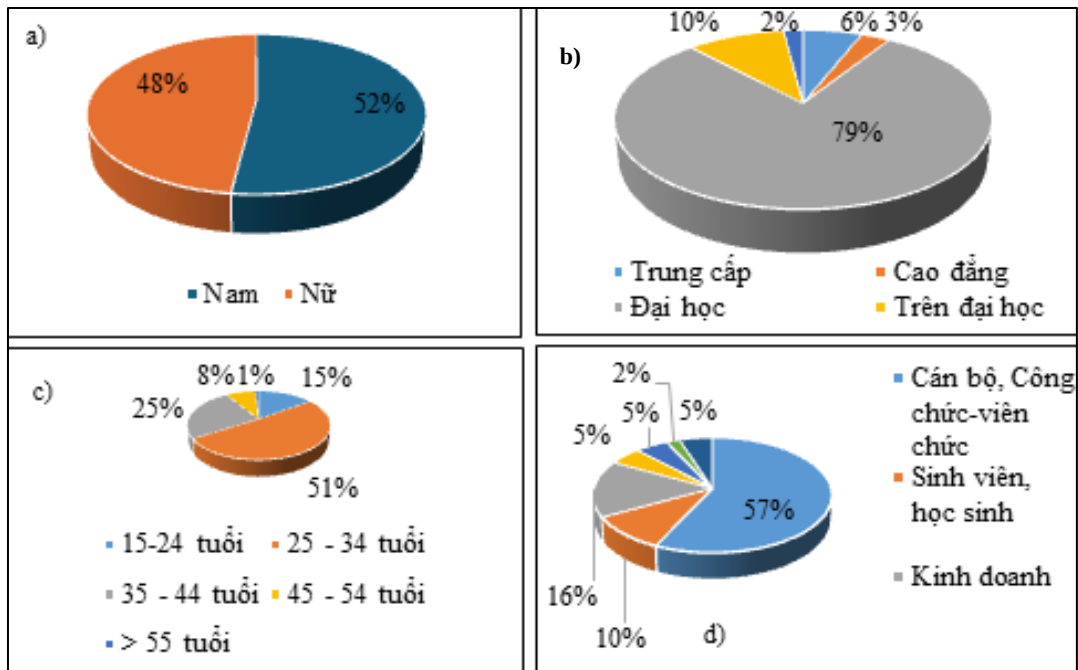
Đối tượng nghiên cứu là hoạt động du lịch sinh thái tại VQG Bù Gia Mập. Thời gian nghiên cứu từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 11 năm 2024.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp bao gồm báo cáo công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý DL, doanh thu, lượng khách DL, hiện trạng khai thác DL, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vườn được thu thập bằng nhiều nguồn thông tin khác nhau từ VQG. Nghiên cứu kế thừa kết quả nghiên cứu liên quan đến thực trạng phát triển DLST. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển DLST được xây dựng dựa trên các công trình đánh giá bởi một số tác giả điển hình ở Việt Nam và thế giới như Habibulloev và đồng tác giả (2024); Lê Xuân Nam (2023); Nguyễn Ngọc Hòa và đồng tác giả (2022); Nguyễn Phước Hoàng (2020); Phan Thị Dang (2015). Ngoài ra, nghiên cứu này còn tham vấn ý kiến 10 chuyên gia về DLST và quản lý tài nguyên rừng, nghiên cứu xây dựng 7 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững DLST bao gồm: (1) Tài nguyên thiên nhiên (TN); (2) Dịch vụ (DV); (3) Cơ sở vật chất (CS); (4) An ninh trật tự và an toàn trong DL (AN); (5) Nguồn nhân lực (NL); (6) Công tác quảng bá và xúc tiến DL (QB); (7) Công tác hỗ trợ, phối hợp trong phát triển DL tại địa phương (PH).

2.4. Phương pháp phỏng vấn

Nghiên cứu phỏng vấn 100 khách DL nội địa bằng bảng câu hỏi xây dựng trước. Đặc điểm mẫu khảo sát được thiết kế và trình bày qua hình 1.



Hình 1. Mẫu phỏng vấn: (a) Giới tính; (b) Trình độ học vấn; (c) Độ tuổi; (d) Nghề nghiệp

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

Dữ liệu sau khi thu thập được tổng hợp và phân tích bằng phần mềm Microsoft excel 2019 và SPSS 25.0. Sử dụng giá trị trung bình được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức độ (Likert, 1932) như sau: Mức điểm 5: Hoàn toàn đồng ý; Mức điểm 4: Đồng ý; Mức điểm 3: Không có ý kiến; Mức điểm 2: Không đồng ý; Mức điểm 1: Hoàn toàn không đồng ý. Các biến đo lường được kiểm định lần lượt theo từng nhóm biến, thang đo tin cậy khi $0,6 \leq \text{Cronbach's } \alpha \leq 1$ và biến đo lường của thang đo có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh $\geq 0,3$ (Nunnally, 1994). Hệ số tương quan Pearson (r) đã được sử dụng để xác định mức độ tương quan giữa biến hài lòng và dự định quay lại DL của du khách. Sau khi đánh giá độ tin cậy của thang đo các biến, bằng cách kiểm định KMO (Kaiser - Meyer - Olkin Measure of sampling adequacy) để kiểm tra mức độ phù hợp của dữ liệu (Kaiser, 1974). Trong phương pháp phân tích nhân tố EFA, phép trích Principal Components đã được sử dụng với phép quay Varimax để xác định các nhóm nhân tố ảnh hưởng đồng thời loại bỏ

những biến đo lường có hệ số tải nhân tố $< 0,55$ (cỡ mẫu 100) (Hair *et al.*, 2010).

Sau đó xây dựng mô hình hồi qui Binary Logistic (Hàm 1) để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập. Ở Hàm 1, P là phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập, còn X_i là cá biến dự đoán.

$$P = \exp(b_0 + \sum_{i=1}^k b_i X_i) / (1 + \exp(b_0 + \sum_{i=1}^k b_i X_i)) \quad (1)$$

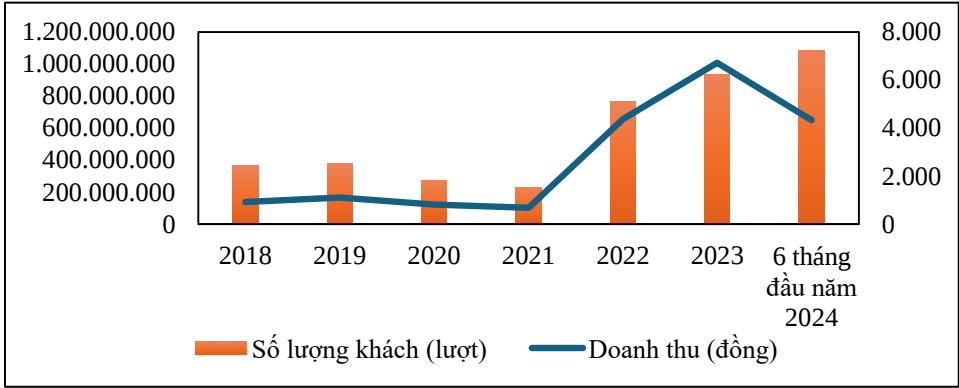
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển DL sinh thái tại VQG Bù Gia Mập

Những năm qua, VQG Bù Gia Mập đã tổ chức nhiều hoạt động DL sinh thái góp phần thu hút nhiều đoàn khách tham quan tìm hiểu về giá trị đa dạng sinh học, giá trị cảnh quan thiên nhiên, văn hóa lịch sử. Giai đoạn 2018 - 2024, DL tại VQG Bù Gia Mập đã có những chuyển biến tích cực với 26.912 lượt khách và doanh thu gần 3 tỷ đồng. Tổng lượt khách và doanh thu liên tục tăng qua các năm, đặc biệt sau đại dịch Covid-19, nhiều du khách lựa chọn loại hình DLST để

tham quan và nghỉ dưỡng vào những ngày cuối tuần và tháng nghỉ hè. Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu DL giai đoạn 2018 - 2023 đạt

114%, trong đó thấp nhất ở giai đoạn 2018 - 2021 (giảm 7%), cao nhất giai đoạn 2021 - 2023 đạt 192% (hình 2).



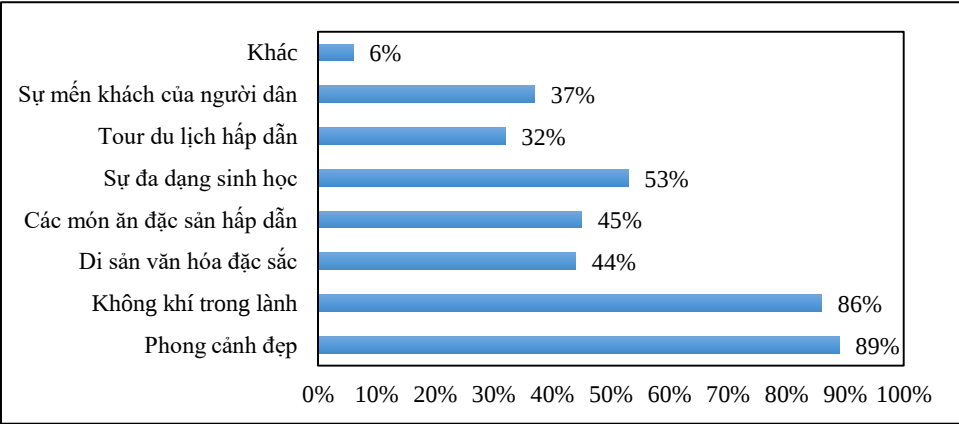
Hình 2. Doanh thu và lượt khách du lịch giai đoạn 2018 - 2024

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tổng lượng khách đến DL giảm rõ rệt, đạt 1.822 lượt khách, giảm 28% so với cùng kỳ. Tốc độ tăng trưởng bình quân lượt khách giai đoạn 2021 - 2023 ghi nhận cao nhất (đạt 79%), trung bình giai đoạn 2018 - 2023 đạt 43%. Đặc biệt, số liệu thống kê ghi nhận 6 tháng đầu năm 2024 lượt khách tăng hơn 15% so với năm 2023.

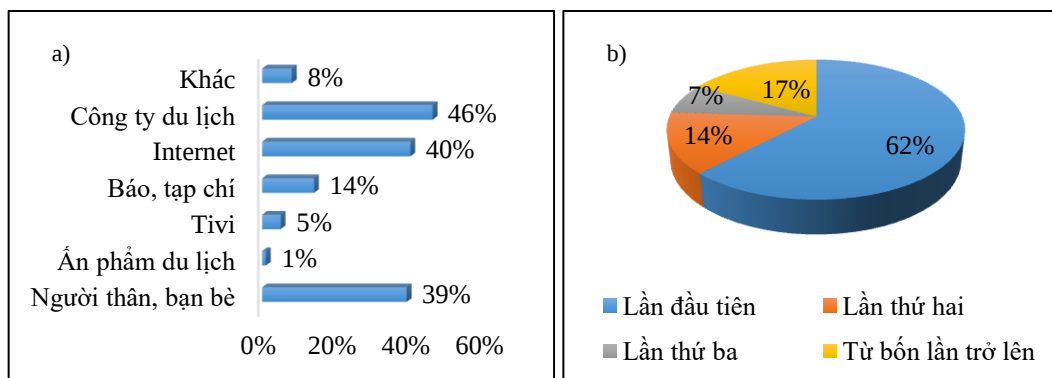
Về cơ sở hạ tầng phát triển DLST tại VQG ghi nhận được 100% các khu vực ăn uống, nghỉ tại trung tâm hành chính VQG đều có hệ thống điện lưới, một số khu vực điểm cắm trại hoặc trạm ở xa trung tâm đang sử dụng điện năng lượng mặt trời. Hệ thống lưu trú của VQG gồm có nhà khách, nhà dài, hội trường, sức chứa lên

đến 300 khách, ngoài ra trên tuyến tham quan còn có lều và võng phục vụ du khách. Nhìn chung, cơ sở hạ tầng tại VQG Bù Gia Mập đáp ứng điều kiện cơ bản của du khách với số lượng ít và tần suất thấp.

VQG Bù Gia Mập với sự đa dạng cảnh quan, phong cảnh đẹp, môi trường không khí trong lành, nhiều nguồn gen quý hiếm, món ăn đặc sản, di sản văn hóa đặc sắc là những yếu tố hấp dẫn thu hút khách DL. Kết quả điều tra cho thấy hơn 85% ý kiến của khách DL cho rằng VQG Bù Gia Mập là điểm DL có phong cảnh đẹp và không khí trong lành. Ngoài ra, sự đa dạng sinh học, món ăn đặc sản hấp dẫn và di sản văn hóa đặc sắc cũng được đánh giá cao (> 44% tổng số khách được phỏng vấn) (hình 3).



Hình 3. Yếu tố hấp dẫn thu hút du khách



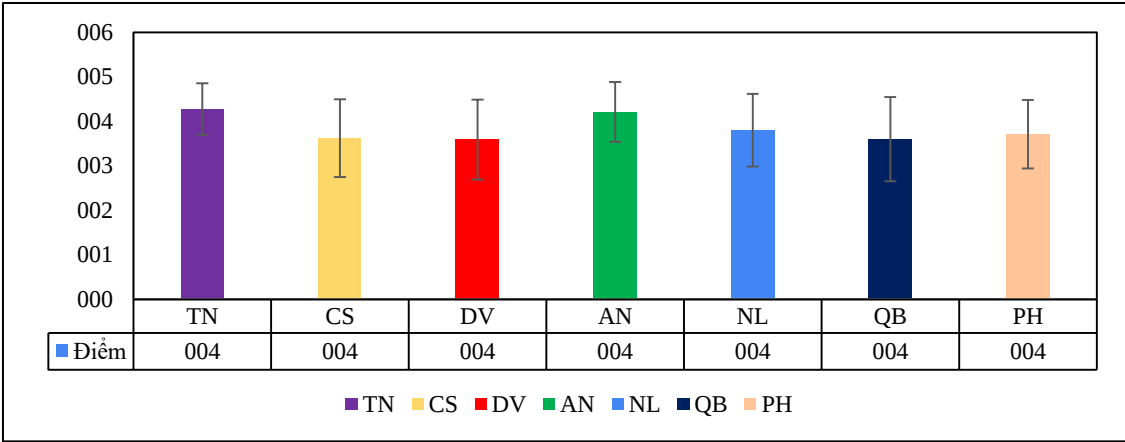
Hình 4. Nguồn thông tin của du khách về DLST (a) và Số lần du khách đến DLST (b)

Nguồn thông tin ghi nhận khách DL biết đến VQG Bù Gia Mập qua nhiều kênh trong đó chủ yếu thông qua công ty DL (46%), Internet (40%), người thân và bạn bè (39%) (hình 4a). Các nguồn thông tin từ báo chí, tivi, ấn phẩm DL khá thấp. Điều này cho thấy, hình thức khai thác thông tin của du khách trong thời đại cách mạng 4.0 có những đặc trưng riêng, đồng thời cho thấy công tác xúc tiến, quảng bá DL cần tập trung chủ yếu vào những kênh online, kết nối với các công ty DL đẩy mạnh truyền thông thu hút hiệu quả du khách.

Kết quả khảo sát ở hình 4b cho thấy, lượng khách quay trở lại điểm DL khá ổn định, đặc biệt lượng khách quay trở lại từ lần thứ 2 và 4 trở lên chiếm tỷ lệ khá lớn lần lượt là 14% và 17%. Những du khách đến đây chủ yếu với mục đích tham quan (79%), giải trí (55%), nghỉ dưỡng (40%), học tập nghiên cứu (38%), các hoạt động tâm linh tín ngưỡng chiếm tỷ lệ thấp. Thời gian du khách đến DL tại VQG vào các tháng mùa hè (tháng 7 - 9) chiếm tỷ lệ cao (66%), các tháng còn lại chiếm từ 14 - 24%. Các hoạt động của du khách khá đa dạng như tham quan di tích lịch sử (69%), trải nghiệm phong cảnh và đa dạng sinh học (61%), tham quan khu cứu hộ động vật (48%), tham quan hồ Hoa Mai và nhà dài (36%), Soi thú đêm trong vườn thực vật (27%), thưởng thức món ăn đặc sản địa phương (51%), tham gia chương trình học tập

nghiên cứu (28%). Các điểm tham quan thu hút khách DL trong hoạt động trải nghiệm phong cảnh và văn hóa lịch sử như cây di sản Việt Nam, Thác Đắk Mai, Suối Đắk Ka, Thác Lưu Ly, Đồi Thông, tham quan nhà bia tưởng niệm điểm cuối đường ống dẫn xăng dầu 5.000 km, nhà dài. Tại VQG đã hình thành nhiều tuyến điểm phục vụ DLST trong đó ghi nhận 4 tour DL được du khách lựa chọn nhiều nhất bao gồm tour 1 ngày (VQG - cây di sản - thác Đắk Mai - Đồi Thông), tour 1 ngày 1 đêm (cây di sản - cột mốc biên giới), tour 2 ngày 1 đêm (Đắk Ka - thác Lưu Ly).

Kết quả điều tra và tổng hợp ở hình 5 cho thấy, du khách hài lòng khi đến DLST tại VQG Bù Gia Mập với tổng điểm 4,09 trong đó tiêu chí được đánh giá cao nhất là tài nguyên DL (4,27 điểm), tiếp đến là an ninh trật tự và an toàn trong DL (4,21 điểm). Các tiêu chí khác được du khách đánh giá ở mức khá hài lòng như nguồn nhân lực phục vụ DL (3,8 điểm), công tác quảng bá và xúc tiến DL và cơ sở hạ tầng phục vụ DL được đánh giá điểm thấp nhất (3,6 - 3,62 điểm). Đồng thời, có sự tương quan thuận giữa biến hài lòng và dự định quay lại DL của du khách tại VQG Bù Gia Mập với độ tin cậy 99% và mức ý nghĩa $\alpha = 0,01$. Kết quả kiểm định mối quan hệ này ở mức tương quan khá mạnh ($r = 0,65$) (Faizi và Alvi, 2023).



Hình 5. Sự hài lòng của khách du lịch tại VQG Bù Gia Mập

Ghi chú: TN: tài nguyên DL, CS: cơ sở hạ tầng phục vụ DL, DV: Dịch vụ DL, AN: an ninh trật tự và an toàn trong DL, NL: nguồn nhân lực phục vụ DL, QB: công tác quảng bá và xúc tiến DL, PH: Công tác hỗ trợ, phối hợp trong phát triển DL tại địa phương.

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLST tại VQG Bù Gia Mập

Trong 48 biến ban đầu có 8 biến đo lường bị loại vì có hệ số tải nhân tố không đạt tiêu chuẩn ở từng nhân tố (<0,55). Kiểm định KMO và Bartlett cho thấy chỉ số KMO = 0,77 với P < 0,01 và tổng phương sai bằng 72,60%. Điều đó cho

thấy các nhóm nhân tố đều thỏa mãn điều kiện để phân tích nhân tố khám phá. Phân tích độ tin cậy của 7 nhân tố (bảng 1) cho thấy không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi mô hình (7 hệ số Cronbach’s Alpha > 0,6 và tương quan tổng biến > 0,3) (Nunnally, 1994).

Bảng 1. Độ tin cậy các thang đo bằng hệ số Cronbach’s alpha

Biến quan sát	Ký hiệu	Tương quan tổng biến	Cronbach’s Alpha nếu loại biến	Hệ số Cronbach’s Alpha
Tài nguyên DL	TN1	0,480	0,810	0,822
	TN2	0,452	0,813	
	TN3	0,470	0,812	
	TN4	0,596	0,796	
	TN5	0,586	0,796	
	TN6	0,593	0,795	
	TN7	0,551	0,805	
	TN8	0,649	0,786	
Cơ sở hạ tầng	CS1	0,623	0,881	0,889
	CS2	0,639	0,880	
	CS3	0,768	0,867	
	CS4	0,742	0,869	
	CS5	0,768	0,867	
	CS6	0,571	0,886	
	CS7	0,642	0,880	
	CS8	0,578	0,885	

Biến quan sát	Ký hiệu	Tương quan tổng biến	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Hệ số Cronbach's Alpha
Dịch vụ	DV1	0,673	0,841	0,865
	DV2	0,790	0,824	
	DV3	0,824	0,820	
	DV4	0,826	0,820	
	DV5	0,809	0,823	
	DV6	0,112	0,905	
	DV7	0,485	0,867	
An ninh trật tự và an toàn	AN1	0,676	0,896	0,905
	AN2	0,784	0,884	
	AN3	0,849	0,876	
	AN4	0,674	0,896	
	AN5	0,791	0,883	
	AN6	0,838	0,878	
	AN7	0,478	0,922	
Nguồn nhân lực	NL1	0,580	0,807	0,828
	NL2	0,246	0,838	
	NL3	0,772	0,780	
	NL4	0,756	0,782	
	NL5	0,768	0,782	
	NL6	0,754	0,781	
	NL7	0,100	0,854	
	NL8	0,095	0,849	
	NL9	0,670	0,793	
Công tác quảng bá xúc tiến và liên kết DL	QB1	0,840	0,963	0,964
	QB2	0,902	0,956	
	QB3	0,909	0,955	
	QB4	0,895	0,957	
	QB5	0,900	0,956	
	QB6	0,880	0,958	
Công tác hỗ trợ, phối hợp trong phát triển DL tại địa phương	PH1	0,888	0,948	0,958
	PH2	0,955	0,928	
	PH3	0,904	0,943	
	PH4	0,843	0,961	

Bảng 2. Kết quả ma trận xoay các nhân tố

Biến đo lường	Ký hiệu	Các nhân tố						
		1	2	3	4	5	6	7
Địa phương phối hợp tốt và hỗ trợ các đơn vị DL về hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng phục DL	PH2	0,94						
Địa phương có cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển DL đối với VQG	PH1	0,913						
Có bảng chỉ dẫn thông tin DL, các tuyến điểm DL	QB4	0,91						
Có tờ poster, tờ quảng cáo DL	QB3	0,908						
Có quầy thông tin hướng dẫn DL	QB2	0,901						
Kết nối doanh nghiệp hoặc các đơn vị khác tổ chức nhiều tuyến DL liên vùng	QB6	0,896						
Địa phương có nhiều loại hình và sản phẩm DL	PH3	0,888						
Có sự liên kết chặt chẽ giữa các điểm, tuyến DL trong vườn	QB5	0,887						
Địa phương có sự phối hợp tốt các đơn vị DL trong an ninh trật tự, an toàn xã hội địa phương	PH4	0,864						
Các thông tin về DL dễ dàng tìm kiếm trên Internet	QB1	0,845						
Quản lý tốt tình trạng chèo kéo, nài ép khách	AN3		0,841					
Quản lý tốt tình trạng bán hàng rong	AN2		0,828					
Quản lý tốt tình trạng chen lấn, xô đẩy, mất trật tự	AN6		0,812					
Quản lý tốt tình trạng ăn xin	AN1		0,804					
Quản lý tốt tình trạng mê tín dị đoan	AN5		0,746					
Quản lý tốt tình trạng trộm cắp	AN4		0,714					
Nhân viên phục vụ chuyên nghiệp	NL5			0,886				
Nhân viên có kiến thức tổng hợp và kỹ năng hướng dẫn DL tốt	NL3			0,879				
Người dân rất thân thiện, mến khách	NL6			0,876				
Nhân viên thân thiện, nhiệt tình	NL4			0,858				
Đội ngũ hướng dẫn viên, dẫn đường có kỹ năng tốt trong chăm sóc, bảo vệ đoàn DL	NL9			0,832				
Nhân viên thông thạo ngoại ngữ	NL1			0,552				
Nhà vệ sinh công cộng đảm bảo phục vụ DL tốt	CS3				0,877			
Hệ thống cung cấp nước đảm bảo phục vụ DL tốt	CS5				0,873			
Hệ thống cung cấp điện đảm bảo phục vụ DL tốt	CS4				0,869			
Bãi đậu xe rộng rãi, tiện nghi	CS2				0,831			
Đường sá đến điểm DL thuận tiện	CS1				0,808			
Dịch vụ mua sắm có giá cả hợp lý	DV4					0,865		
Dịch vụ vận chuyển có giá cả hợp lý	DV5					0,856		
Dịch vụ lưu trú có giá cả hợp lý	DV3					0,838		
Dịch vụ ăn uống có giá cả hợp lý	DV2					0,835		
Dịch vụ tham quan, giải trí có giá cả hợp lý	DV1					0,772		
Hệ sinh thái tự nhiên phong phú, đa dạng, độc đáo	TN2						0,822	
Môi trường tự nhiên trong lành	TN3						0,805	
Phong cảnh thiên nhiên đẹp, hấp dẫn	TN1						0,784	
Các loài động thực vật đa dạng	TN4						0,72	
Có nhiều di tích lịch sử - văn hóa giá trị	TN5							0,774
Có nhiều lễ hội và phong tục tập quán đặc sắc	TN6							0,735
Có nhiều điểm DL làng nghề	TN7							0,728

Từ số liệu ở bảng 2 cho thấy, sự phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập chịu ảnh hưởng của 7 nhóm nhân tố chính. Nhóm nhân tố 1 (Quảng bá - phối hợp = Ký hiệu: F1) chịu tác động của 10 biến đo lường. Nhóm nhân tố 2 (An ninh trật tự = Ký hiệu: F2) chịu tác động của 6 biến đo lường. Nhóm nhân tố 3 (Nguồn nhân lực = Ký hiệu: F3) chịu tác động bởi 6 biến đo lường. Nhóm nhân tố 4 (Cơ sở vật chất = Ký hiệu: F4) chịu tác động bởi 5 biến đo lường. Nhóm nhân tố 5 (Dịch vụ = Ký hiệu: F5) chịu tác động bởi 5 biến đo lường. Nhóm nhân tố 6 (Tài nguyên tự nhiên = Ký hiệu: F6) chịu tác động bởi 4 biến đo lường. Nhóm nhân tố 7 (Tài

nguyên nhân văn = Ký hiệu: F7) chịu tác động bởi 3 biến đo lường.

Phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập với 7 biến dự đoán được thể hiện ở bảng 3. Dữ liệu ở bảng 3 cho thấy 5 yếu tố F1, F3, F4, F5 và F6 có ý nghĩa rõ rệt ($P < 0,05$) để dự đoán phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập. Bảng 4 tóm tắt mô hình dự đoán phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập với 5 biến dự đoán. Mô hình này tồn tại ($R^2 = 59,6\%$; $P < 0,01$) dưới dạng như Hàm 2. Bằng cách thay 5 biến (F1, F3, F4, F5 và F6) vào Hàm 2, xác định được xác suất về phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập là 73,0%.

$$P_{(Y=1)} = \frac{(-38.669 + 1.292F1 + 2.341F3 + 1.555F4 + 1.8652F5 + 0.362F6)}{1 + \exp(-38.669 + 1.292F1 + 2.341F3 + 1.555F4 + 1.8652F5 + 0.362F6)} \quad (2)$$

$R^2 = 59,6\%$; Sai lệch trung bình (ME) = 0,0181

Bảng 3. Mô hình ước lượng xác suất dự đoán sự phát triển bền vững du lịch sinh thái tại VQG Bù Gia Mập

Nhân tố	Hệ số hồi quy (B)	S.E	Wald	Sig.	Exp (B)
F1	1,39	0,58	5,86	0,02 (*)	4,02
F2	-0,90	0,74	1,49	0,22	0,41
F3	2,32	0,72	10,32	0,00 (*)	10,13
F4	1,73	0,74	5,53	0,02 (*)	5,67
F5	1,89	0,85	4,92	0,03 (*)	6,65
F6	0,39	0,14	8,24	0,00 (*)	1,48
F7	0,42	0,67	0,40	0,53	1,53

Ghi chú: (*) Pa biểu thị những biến dự đoán tồn tại trong mô hình ở mức ý nghĩa thống kê 5%; SEE = Sai số của mô hình; Exp(B) = Tỷ lệ sai khác giữa các nhóm.

Bảng 4. Mô hình ước lượng xác suất dự đoán sự phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập với 5 biến dự đoán

Biến dự đoán	Hệ số hồi quy (B)	±SEE	Df	Pa	Exp(B)
F1	1,292	0,482	1	0,007	3,6
F3	2,341	0,714	1	0,001	10,4
F4	1,555	0,561	1	0,006	4,7
F5	1,865	0,826	1	0,024	6,5
F6	0,362	0,124	1	0,004	1,4
Hằng số	-38,669	9,593	1	0,000	0,0

Ghi chú: (*) Pa biểu thị những biến dự đoán tồn tại trong mô hình ở mức ý nghĩa thống kê 5%; SEE = Sai số của mô hình; Exp(B) = Tỷ lệ sai khác giữa các nhóm.

Trong những năm qua, VQG Bù Gia Mập đã chú trọng xây dựng các video, bài viết, hình ảnh dịch vụ để quảng bá đến du khách, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng lễ hội văn hóa góp phần duy trì, phát huy, tôn vinh văn hóa bản địa và phục vụ nhu cầu tham quan của du khách; Các kết quả nghiên cứu của Nguyễn Công Đệ (2022); Nguyễn Phước Hoàng (2020) cũng chỉ ra tuyên truyền quảng bá, thu hút khách đóng vai trò quan trọng trong phát triển DLST. Đồng thời, chính sách phát triển DL của địa phương cũng được các nghiên cứu này nhận định có tác động tích cực đến phát triển bền vững, tạo ra sinh kế cho địa phương. Chính sách hiệu quả và hợp lý giúp định hướng phát triển DL theo hướng bền vững. Nghiên cứu của Habibulloev và đồng tác giả (2024) cũng chỉ ra sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt của chính quyền địa phương có hiệu quả trong việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đồng thời thúc đẩy DLST bền vững.

Nguồn nhân lực (F3) tương quan thuận đến sự phát triển bền vững, ảnh hưởng trực tiếp, quyết định đến chất lượng của sản phẩm và dịch vụ DLST. Nguyễn Ngọc Hòa và đồng tác giả (2022) đã khẳng định con người là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển DLST tại Thanh An, do đó đội ngũ nhân viên DL cần được nâng cao về nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng. Các kết quả nghiên cứu của Lê Xuân Nam (2023); Phan Thị Dang (2015) cũng cho thấy các yếu tố liên quan đến nguồn lực DL ảnh hưởng đến sự phát triển DLST.

Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật (F4) tốt sẽ thu hút du khách nhiều hơn. Các nghiên cứu của Vũ Văn Đông (2014); Phan Thị Dang (2015); Nguyễn Ngọc Hòa và đồng tác giả (2022) cho rằng cơ sở hạ tầng là yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến phát triển DLST. Từ kết quả phỏng vấn du khách cho thấy, việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ DLST còn hạn chế, đặc biệt cơ sở lưu trú xuống cấp, số lượng lưu trú ít, hệ thống vệ sinh, điện nước chưa đảm bảo. Một số du khách có xu hướng lưu trú trong rừng tự

nhiên. Thế nhưng các bãi cắm hạ trại có cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cơ bản của du khách.

Giá cả dịch vụ hợp lý là yếu tố quan trọng thu hút du khách đến DL tại VQG Bù Gia Mập. Giá vé tham quan tại vườn dao động từ 15.000 - 50.000/dịch vụ, phòng nghỉ dao động từ 100.000 - 250.000/1 người. Nhìn chung giá cả dịch vụ và chi phí vận chuyển, lưu trú và tham quan được du khách đánh giá khá hợp lý. Theo nghiên cứu của Rahman Jahan (2016), yếu tố chi phí dịch vụ chiếm trọng số cao nhất (giải thích 17,6% tổng phương sai trích) trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển DLST tại Bangladesh. Chi phí giá cả dịch vụ cũng được xác định là nhân tố đại diện 37,901% bộ tiêu chí, là nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển DLST tại đảo Thanh An (Nguyễn Ngọc Hòa *et al.*, 2022).

Tài nguyên tự nhiên (F6) là yếu tố thúc đẩy hoạt động DLST. VQG Bù Gia Mập được du khách đánh giá là điểm đến có tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng. Số liệu thống kê với 1117 loài thực vật, 105 loài thú, 246 loài chim, 58 loài bò sát, 28 loài lưỡng cư, 289 loài côn trùng (Đình Thanh Sang, 2019). Nhiều cảnh quan đẹp như thác Đắk Mai, thác Lưu Ly, cây Di sản,... Nhiều nghiên cứu chỉ ra cảnh quan thiên nhiên, các khối đá, thác nước, hồ chứa nước, khu bảo tồn và hang động là những yếu tố quan trọng của tiềm năng DL và đặc biệt là tài sản có giá trị cho DL (Habibulloev *et al.*, 2024; Nguyễn Công Đệ, 2022). Cách tiếp cận như vậy không chỉ nâng cao trải nghiệm của khách DL mà còn bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên cho các thế hệ tương lai.

3.3. Các giải pháp phát triển DLST ở VQG Bù Gia Mập

3.3.1. Giải pháp phát triển xúc tiến quảng bá - phối hợp với chính quyền địa phương

Tập trung xây dựng hình ảnh tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm DL của VQG đến với du khách bằng các hình thức như: tờ rơi, phóng sự,

phim ảnh, tổ chức sự kiện, tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo về DL. Đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội để tuyên truyền, quảng bá về DL của VQG đến với du khách. Xây dựng, cải tạo hệ thống biển, bảng chỉ dẫn hướng dẫn du khách tham quan tại VQG; Phối hợp, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân, các công ty lữ hành trong việc kết nối để thúc đẩy phát triển DLST; Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để tuyên truyền, truyền thông quảng bá, gắn DL địa phương với DLST của vườn. Xây dựng chính sách, cơ chế phối hợp hỗ trợ giữa các bên liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển DL, tạo ra những sản phẩm liên kết, góp phần xây dựng thương hiệu DL cho các địa phương.

3.3.2. Giải pháp nâng cao nguồn nhân lực

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với nhân lực trong hoạt động DL. Đặc biệt nâng cao tinh thần trách nhiệm và trình độ kiến thức đối với lực lượng cộng tác viên DL là người dân địa phương. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ DL như hướng dẫn, tiếp tân, ứng xử, văn phòng... Tăng cường thu hút đội ngũ nhân viên có chuyên môn về DL phục vụ hoạt động phát triển DLST tại VQG Bù Gia Mập.

3.3.3. Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng

VQG Bù Gia Mập cần đầu tư, cải tạo, nâng cấp các cơ sở vật chất phục vụ DL như hệ thống vệ sinh, hệ thống chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời trên các tuyến, điểm DL; lều, trại trú mưa, điểm nghỉ chân trong rừng, khu vực trưng bày các sản phẩm văn hóa của người dân tộc bản địa, các sản phẩm OCOOP của địa phương, hệ thống nước, điện và cơ sở lưu trú. Cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho dịch vụ ăn uống nhằm tăng khả năng sức chứa đối với dịch vụ này tại khu hành chính dịch vụ của VQG. Xây dựng các điểm dừng chân, checking khu hành chính dịch vụ của VQG; Xây dựng thêm một số khu vực cắm trại trong khu hành chính

dịch vụ. Nâng cấp và tu sửa các tuyến đường nội bộ, đường đến các điểm hạ trại trong rừng, các công trình đảm bảo thiên nhiên, thân thiện với môi trường, không phá vỡ cảnh quan.

3.3.4. Giải pháp nâng cao chất lượng và giá cả dịch vụ DL

VQG Bù Gia Mập cần xây dựng và niêm yết giá cả dịch vụ cụ thể và phù hợp với chất lượng dịch vụ. Tăng cường phối hợp với một số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống nhằm cung cấp các món ăn đặc trưng của địa phương, của người dân tộc bản địa, vừa đảm bảo về an toàn thực phẩm, chất lượng phục vụ tốt, giá cả phù hợp với thị trường. Tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương và người dân tạo ra một số sản phẩm đặc trưng làm quà lưu niệm cho du khách, có giá cả hợp lý. Ngoài ra, vườn phối hợp với địa phương, các doanh nghiệp, cá nhân trong việc tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp tại địa phương, các sản phẩm OCOP để phục vụ cho DL như các sản phẩm: Hạt điều chế biến, mật ong, mít sấy, tiêu hạt rang xay, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ khác. Phối hợp với cộng đồng địa phương hình thành sản phẩm DL homestays gắn với các trải nghiệm cùng sinh hoạt với cộng đồng người M'ông và S'tiêng. Điều này góp phần thu hút khách DL lưu trú lâu hơn và quay trở lại VQG Bù Gia Mập trong thời gian tới.

3.3.5. Giải pháp quản lý bảo vệ tài nguyên

Với thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và văn hoá, VQG Bù Gia Mập cần tập trung xây dựng các loại hình DLST, DLCĐ, xây dựng phát triển thêm loại hình DL văn hóa - lịch sử và DL nghỉ dưỡng kết hợp với mô hình thảo dược của cộng đồng người M'ông và S'tiêng. Tiếp tục khai thác và nâng cấp, hoàn thiện các tuyến, điểm theo phương châm không tác động và làm ảnh hưởng đến tài nguyên rừng hiện hữu. Hoàn thiện các tour DL trải nghiệm sinh thái rừng, tour DL khám phá và trải nghiệm không gian văn hóa độc đáo của người S'tiêng, M'ông, tour kết nối

VQG Bù Gia Mập với Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo, Núi Bà Rá, Hồ Thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn, Đăk Grun,... VQG phối hợp với các cơ sở kinh doanh lữ hành trong và ngoài tỉnh xây dựng các tour DL kết nối với địa phương và VQG Bù Gia Mập.

Xây dựng phương án phát triển DL xanh gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Phát huy giá trị di tích lịch sử điểm cuối đường dẫn ống xăng dầu VK96 nhằm hình thành sản phẩm DL đặc trưng của VQG Bù Gia Mập. Tôn tạo cảnh quan DL tại các điểm tham quan, tạo nên điểm nhấn cho DL của VQG. Phối hợp với địa phương nhằm phát huy thế mạnh văn hóa bản địa vừa tạo việc làm, có thêm thu nhập cho người dân vùng đệm của VQG Bù Gia Mập.

IV. KẾT LUẬN

VQG Bù Gia Mập không chỉ là nơi có đa dạng sinh học cao mà còn có nhiều di tích lịch sử phong phú. Đây là điểm thu hút du khách đến tham quan du lịch. Nguồn thông tin ghi nhận khách DL biết đến VQG Bù Gia Mập qua nhiều kênh trong đó chủ yếu qua công ty DL, Internet và người thân bạn bè. Hoạt động khai thác DLST đang ở giai đoạn đầu, tổng lượt khách và

doanh thu liên tục tăng, giai đoạn 2018 - 2024 đã thu hút 26.912 lượt khách và doanh thu gần 3 tỷ đồng. Yếu tố hấp dẫn thu hút khách du lịch bao gồm sự đa dạng cảnh quan, phong cảnh đẹp, môi trường không khí trong lành, nhiều nguồn gen quý hiếm, món ăn đặc sản, di sản văn hóa đặc sắc. Du khách hài lòng khi đến DLST tại VQG với điểm trung bình 4,09. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) và mô hình hồi quy Binary Logistic xác định được 5 nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập: (1) Quảng bá - phối hợp; (2) Nguồn nhân lực; (3) Cơ sở vật chất; (4) Dịch vụ; (5) Tài nguyên tự nhiên. Với những nhân tố trên, nghiên cứu đã đề xuất 5 nhóm giải pháp nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế góp phần xây dựng VQG Bù Gia Mập thành điểm du lịch hấp dẫn, mang đậm bản sắc riêng đồng thời tạo công ăn việc làm, phát triển đời sống người dân vùng đệm.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Cơ sở của Trường Đại học Lâm nghiệp Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai (mã số 128/QĐ/PHDHLN-KHCN&HTQT).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baloch, Q. B., Shah, S. N., Iqbal, N., Sheeraz, M., Asadullah, M., Mahar, S., & Khan, A. U., 2023. Impact of tourism development upon environmental sustainability: a suggested framework for sustainable ecotourism. *Environmental Science and Pollution Research*, 30(3): 5917-5930. DOI: 10.1007/s11356-022-22496-w.
- Blangy, S., & Mehta, H., 2006. Ecotourism and ecological restoration. *Journal for Nature Conservation*, 14(3): 233-236. DOI: 10.1016/j.jnc.2006.05.009.
- Costanza, R., De Groot, R., Braat, L., Kubiszewski, I., Fioramonti, L., Sutton, P.,... Grasso, M. J. E. s., 2017. Twenty years of ecosystem services: How far have we come and how far do we still need to go? DOI: 10.1016/j.ecoser.2017.09.008. 28: 1-16.
- Đình Thanh Sang, 2019. Tiềm năng và hướng phát triển bền vững du lịch sinh thái ở Vườn Quốc gia Bù Gia Mập. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* (12): 127-134.
- Faizi, N., & Alvi, Y., 2023. Chapter 6 - Correlation. In N. Faizi & Y. Alvi (Eds.), *Biostatistics Manual for Health Research* (pp. 109-126): Academic Press.
- FAO, 2014. Building a common vision for sustainable food and agriculture. Retrieved from Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO), Rome.
- Habibullov, S., Han, F., Bakhtiyorov, Z., M.A. X., & Nuhzor, O., 2024. Factors influencing sustainable development in Eco-tourism settlements: A comparative analysis. *Heliyon*, 10(4): e26454. DOI: 10.1016/j.heliyon.2024.e26454
- Hair, J. F., Black, W. C., & Babin, B. J., 2010. *Multivariate Data Analysis: A Global Perspective*: Pearson Education.

9. Heshmati, M., Gheitury, M., & Shadfar, S., 2022. Factors affecting possibility of ecotourism development and sustaining natural resources using SWOT approach in west Iran. *International Journal of Geoheritage and Parks*, 10(2): 173-183. DOI: 10.1016/j.ijgeop.2022.03.004.
10. Hien, T., Cuong, H., Loan, N., Do Thi, N., Le, A., & Sang, N., 2020. Human Resources for Tourism and Travel Business in Vietnam. *Business and Economic Research*, 10: 63. DOI: 10.5296/ber.v10i4.17929.
11. Kaiser, H. F., 1974. An index of factorial simplicity. *Psychometrika*, 39(1): 31-36. DOI: 10.1007/BF02291575.
12. Lê Xuân Nam, 2023. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch theo hướng bền vững. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* (15): 141-143.
13. Likert, R., 1932. A technique for the measurement of attitudes. *Archives of Psychology*, 140(22): 55.
14. Marulam, M., Simarmata, T., & Tri, A., 2020. Factors of Affecting Business Opportunities in Developing Ecotourism. *International Research Journal of Management, IT and Social Sciences*, 7(5): 130-138. DOI: 10.21744/irjmis.v7n5.980.
15. Nguyễn Công Đệ, 2022. Phát triển du lịch trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam theo hướng bền vững. *Luận án tiến sĩ Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương*.
16. Nguyễn Ngọc Hòa, Đoàn Trung Hiếu, Lê Tấn Nghĩa, Trịnh Tiến Thành, Lê Quốc Tuấn, & Nguyễn Vũ Đức Thịnh, 2022. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái đảo Thanh An, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 21(5): 56-65.
17. Nguyễn Phước Hoàng, 2020. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái bền vững tỉnh Cà Mau. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 56(2): 185-194. DOI: 10.22144/ctu.jvn.2020.046.
18. Nguyễn Thị Huỳnh Phương, Đào Minh Thông, Nguyễn Thị Bé Ba, & Lý Mỹ Tiên, 2022. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái tại Cù Lao An Bình, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Nai*, 19(4): 667.
19. Nunnally, J. C., 1994. *Psychometric Theory 3E*: Tata McGraw-Hill Education.
20. Phan Thị Dang, 2015. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái ở Vườn Quốc gia Cát Tiên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, 4(48): 10-15.
21. Poursaeed, A., 2022. Factors influencing the development of ecotourism in tourist towns in Kermanshah Province, Iran. *Revista de la Universidad del Zulia*, 11(30): 284-314.
22. Quốc Hội, 2017. *Luật Du lịch*, Luật số 09/2017/QH14, ngày 19 tháng 6 năm 2017.
23. Rahman, S., & Jahan, N., 2016. Identifying the key factors influencing sustainable tourism in Bangladesh: A Quantitative Analysis. Paper presented at the Asia Tourism Forum 2016 - the 12th Biennial Conference of Hospitality and Tourism Industry in Asia: 0468 - 0473, DOI: 10.2991/atf-16.2016.73.
24. Riengchantr, A., 2018. *Island Tourism and Sustainable Development in Thailand, Case Study of Koh Pha-Ngan*: Liverpool John Moores University (United Kingdom).
25. The International Ecotourism Society (TIES), 2006. *TIES Global Ecotourism Fact Sheet*. Retrieved from Washington, DC 20090-6503, USA.
26. Thủ tướng chính phủ, 2021. Quyết định 933/QĐ-TTCT ngày 14/6/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
27. UBND tỉnh Bình Phước, 2021. Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 24/01/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban Quản lý VQG Bù Gia Mập.
28. Vũ Văn Đông, 2014. *Phát triển du lịch bền vững Bà Rịa - Vũng Tàu*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
29. Yee, J. Y., Loc, H. H., Poh, Y. L., Vo-Thanh, T., & Park, E., 2021. Socio - geographical evaluation of ecosystem services in an ecotourism destination: PGIS application in Tram Chim National Park, Vietnam. *J Environ Manage*, 291: 112656. DOI: 10.1016/j.jenvman.2021.112656.

Email tác giả liên hệ: cuongvfu.90@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/06/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/06/2025; 18/06/2025

Ngày duyệt đăng: 27/06/2025